

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 124/2006/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng sắt đến năm 2010, định hướng đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Bộ Công nghiệp tại các văn bản số 4469/TTr-KH ngày 19 tháng 8 năm 2005; số 387/BCN-KH ngày 18 tháng 01 năm 2006 và ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng sắt đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

- Quặng sắt Việt Nam phải được thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo đảm an ninh trật tự xã hội tại các địa bàn có quặng sắt.
- Quy hoạch thăm dò và khai thác quặng sắt là cơ sở để lập lại trật tự trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp và của nhân dân ở những vùng có quặng sắt.
- Xây dựng và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến quặng sắt với công nghệ hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam, nâng cao hệ số thu hồi khoáng sản.
- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư thăm dò, khai thác và chế biến quặng sắt, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng

sản, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ tài nguyên.

2. Mục tiêu

a) Đáp ứng nhu cầu nguyên liệu quặng sắt cho các cơ sở luyện kim trong nước, dành một phần xuất khẩu để đổi lưu đổi lấy than cốc, than mỡ cho nhu cầu luyện kim.

b) Công tác thăm dò địa chất tập trung vào các điểm quặng manhetit có triển vọng và tiến hành kết hợp với việc thực hiện những nhiệm vụ địa chất khác.

c) Chuẩn bị đầy đủ cơ sở tài liệu về trữ lượng, chất lượng, điều kiện khai thác của các mỏ sẽ đưa vào khai thác trước năm 2020.

d) Xác định các vùng thăm dò, khai thác, thể hiện các vùng cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản để đảm bảo cho các hoạt động khoáng sản thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Nội dung Quy hoạch

a) Nhu cầu quặng sắt: đáp ứng nhu cầu quặng sắt cho các cơ sở luyện gang, công nghiệp xi măng, xuất khẩu một phần ở các mỏ không nằm trong quy hoạch vùng nguyên liệu cho các cơ sở luyện kim và để đổi đổi lưu nhập khẩu than cốc và than mỡ (dự kiến năm 2006 là 1,5 triệu tấn; năm 2010 là 9 triệu tấn; năm 2015 là 15 triệu tấn và năm 2020 là 16 triệu tấn).

b) Quy hoạch thăm dò: từ nay đến năm 2020 tiến hành quy hoạch thăm dò 14 mỏ và vùng mỏ, trong đó: thăm dò bổ sung 2 mỏ, giao địa phương quản lý 3 mỏ. Kết quả của công tác thăm dò phải đảm bảo chuẩn bị đủ trữ lượng để khai thác ổn định cho các vùng mỏ tại địa bàn Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang; chuẩn bị tài nguyên để sau năm 2015 quy hoạch khai thác và chế biến các khu mỏ mới: Trấn Yên (Yên Bái), Tòng Bá (Hà Giang), Thanh Sơn (Phú Thọ), Mộ Đức (Quảng Ngãi). Chi tiết theo Phụ lục I.

c) Quy hoạch khai thác, chế biến:

- Quy hoạch khai thác:

+ Từ nay đến năm 2020 sẽ khai thác 26 mỏ thuộc địa bàn 9 tỉnh để đáp ứng đủ nhu cầu về quặng sắt cho các hộ tiêu thụ; trong đó: Lào Cai 6 mỏ; Yên Bái 4 mỏ; Hà

Giang 2 mỏ; Tuyên Quang 2 mỏ; Cao Bằng 3 mỏ; Bắc Kạn 4 mỏ; Thái Nguyên 2 mỏ; Thanh Hoá 2 mỏ và Hà Tĩnh 1 mỏ. Công suất khai thác năm 2010 là 9 triệu tấn/năm; giai đoạn 2011 - 2015 là 14 - 15 triệu tấn/năm; giai đoạn 2016 - 2020 là 15 - 16 triệu tấn/năm. Chi tiết theo Phụ lục II và Phụ lục III.

+ Sản lượng trên có thể điều chỉnh tùy theo thực tế phát triển ngành luyện kim Việt Nam và yêu cầu cụ thể của các dự án đầu tư nước ngoài về luyện kim tại Việt Nam.

- Quy hoạch chế biến: phần lớn quặng sắt của các mỏ đều có chất lượng thấp, cần phải chế biến, làm giàu trước khi tiêu thụ. Đầu tư đồng bộ giữa khâu khai thác và tuyển khoáng để làm giàu quặng đảm bảo yêu cầu cho khâu luyện kim.

- Sản lượng khai thác, chế biến quặng sắt trên từng địa phương như sau:

+ Giai đoạn đến 2010:

(1) Tại tỉnh Lào Cai: khai thác và chế biến quặng sắt mỏ Quý Xa và các mỏ khác với tổng công suất 3,5 - 4,5 triệu tấn/năm để cung cấp cho Nhà máy sản xuất gang tại Lào Cai có công suất 500.000 tấn/năm, cho Công ty Gang thép Thái Nguyên và cho xuất khẩu đổi than mỡ, than cốc và nguyên liệu khác.

(2) Tại Cao Bằng: khai thác và chế biến quặng sắt các mỏ trên địa bàn của tỉnh với tổng công suất 350.000 - 450.000 tấn/năm để cung cấp cho 02 lò cao xây dựng tại Cao Bằng với công suất 30.000 tấn gang/năm và cung cấp cho Công ty Gang thép Thái Nguyên.

(3) Tại Bắc Kạn: khai thác và chế biến quặng sắt các mỏ trên địa bàn của tỉnh với tổng công suất 200.000 - 350.000 tấn/năm để cung cấp cho 02 lò cao (25 m³) đang xây dựng tại Bắc Kạn và cung cấp cho Công ty Gang thép Thái Nguyên.

(4) Tại Thái Nguyên: khai thác và chế biến quặng sắt mỏ Trại Cau, mỏ Tiến Bộ và các mỏ khác trên địa bàn của tỉnh với tổng công suất 400.000 - 500.000 tấn/năm để cung cấp cho Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn II và III của Công ty Gang thép Thái Nguyên với tổng công suất 750.000 tấn gang lỏng/năm.

(5) Tại Hà Tĩnh: chuẩn bị khai thác mỏ sắt Thạch Khê công suất ban đầu là 5 triệu tấn/năm.